

DANH MỤC HÀNG HOÁ YÊU CẦU BẢO GIÁ

(kèm theo thông báo số 19/TB-TTĐT ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Yên Mỹ)

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng	Ghi chú
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Glucose	Phương pháp: GOD-PAP (Glucose oxidase/ peroxidase) Phạm vi đo: Phương pháp điểm cuối tuyến tính lên đến 400 mg /dl (22.2 mmol/l). Phương pháp động học lên đến 700 mg /dl (38.9 mmol/l). Giới hạn phát hiện: 2 mg/dl Thành phần chính: Phosphate buffer, pH 7.5 0.1 mol/l Phenol 7.5 mmol/l GOD 12000 U/l POD 660 U/l 4-Amino-antipyrine 0.40 mmol/l Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Hộp	6x66ml	12	
2	Thuốc thử xét nghiệm GOT(AST)	Phương pháp: IFCC Phạm vi đo: 0.160 ở 340nm hoặc 0.080 ở 365nm Giới hạn phát hiện: 4 U/l hoặc 0.07 µkat/l Thành phần chính: R1: Tris buffer pH 7.8 100 mmol/l L-Aspartate 200 mmol/l LDH 800 U/l MDH 600 U/l R2: NADH2 0.18 mmol/l 2-Oxoglutarate 12 mmol/l Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Hộp	R1: 6x66ml R2: 6x16ml	3	
3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Triglyceride	Phương pháp: GPO-PAP (Glycerol phosphate oxidase/peroxidase) Phạm vi đo: 3-1000 mg/dl (0.05 - 11.4 mmol/l) Giới hạn phát hiện: 3mg / dl (0.05 mmol/l) Thành phần chính: Pipes buffer pH 7.8 50 mmol/l p-Chlorophenol 2 mmol/l Lipoprotein lipase 150000 U/l Glycerolkinase 800 U/l Glycerol - 3 - P- oxidase 4000 U/l Peroxidase 440 U/l 4-Aminoantipyrine 0.7mmol/l ATP 0.3mmol/l Mg2+ 40 mmol/l Na-cholat 0.20 mmol/l Potassium-Hexacyanoferrat(II) 1µmol/l Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Hộp	6x65ml	3	
4	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng xét nghiệm sinh hóa mức 1	Vật liệu đối chứng đông khô dựa trên huyết tương người, đã được khử fibrin cho các đại lượng đo sau: Total Acid Phosphatase, Non-Prostatic Phosphatase, Albumin, Alk. Phosphatase, ALT/GPT, α-Amylase, a-Amylase pancreatic, AST/GOT, Bilirubin total, Bilirubin direct, Calcium, Cholesterol total, HDL-Cholesterol, LDL-Cholesterol, Cholinesterase, CK-MB, CK-NAC, Copper, Creatinine, Glucose, GGT, Iron, Lactate, LDH-P, LDH-L, Lipase, Magnesium, Phosphate Inorganic, Protein Total, Triglycerides, Uric Acid, Urea, Zn. Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Lọ	5ml	5	



5	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng xét nghiệm sinh hóa mức 2	Vật liệu đối chứng đông khô dựa trên huyết tương người, đã được khử fibrin cho các đại lượng đo sau: Total Acid Phosphatase, Non-Prostatic Phosphatase, Albumin, Alk. Phosphatase, ALT/GPT, α -Amylase, a-Amylase pancreatic, AST/GOT, Bilirubin Total, Bilirubin Direct, Calcium, Cholesterol, HDL-Cholesterol, LDL-Cholesterol, Cholinesterase, CK-MB, CK-NAC, Copper, Creatinine, Glucose, GGT, Iron, Lactate, LDH-P, LDH-L, Lipase, Magnesium, Phosphate inorganic, Protein Total, Triglycerides, Uric Acid, Urea, Zinc. Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Lọ	5ml	5	
6	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng xét nghiệm sinh hoá	Huyết thanh hiệu chuẩn đông khô dựa trên huyết thanh người. Multicalibrator có thể được sử dụng để hiệu chuẩn máy phân tích sinh hóa: Total Acid Phosphatase, Non-Prostatic, Albumin, Alk. Phosphatase, ALT/GPT, α -Amylase, a-Amylase pancreatic, AST/GOT, Bilirubin total, Bilirubin direct, Calcium, Cholesterol total, Cholinesterase, CK-NAC, CK-MB, Creatinine, Copper, Iron, Glucose, GGT, HDL-C, LDL-C, Lactate, LDH-P, LDH-L, Lipase, Magnesium, Phosphate Inorganic, Protein Total, Triglycerides, Uric Acid, Urea, Zinc. Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Lọ	5ml	5	
7	Hoá chất có tính kiềm rửa máy sinh hoá	Thành phần chính: Alkali < 10.0% Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Can	2L	4	
8	Hoá chất dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Độ pH ở 20 độ C: xấp xỉ 7,75 Thành phần chính: Sodium chloride < 0.9%; Potassium chloride < 0.1%; Buffer < 0.3%; Preservative < 0.1% Sử dụng ≥ 60 ngày sau khi mở nắp Hạn dùng ≥ 24 tháng. Bảo quản 2- ≥ 35 độ C. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Thùng	20L	7	
9	Thuốc thử ly giải hồng cầu	Giá trị pH ở 20 độ C: xấp xỉ 5.38 Có mã QR Code quản lý hoá chất được tích hợp sẵn. Sử dụng ≥ 60 ngày sau khi mở nắp Hạn dùng ≥ 24 tháng. Bảo quản 2- ≥ 35 độ C. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Chai	500ml	8	
10	Hóa chất định danh nhóm máu A	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-A kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) 500100 1.0ml. Hiệu giá $\geq 1:256$. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Lọ	10 ml/ lọ	1	
11	Hóa chất định danh nhóm máu AB	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-AB kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) A-5E10; B-2D7 1.0ml. Hiệu giá $\geq 1:256$. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485	Lọ	10 ml/ lọ	1	
12	Hóa chất định danh nhóm máu B	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-B kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) B501100 1.0ml. Hiệu giá $\geq 1:256$. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Lọ	10 ml/ lọ	1	
13	Test HbA1C	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c	Hộp	24 test/hộp	5	

JYEN
 NG TÀ,
 TẾ
 JYEN
 N MỸ

14	Bơm tiêm Insulin các cỡ	Vỏ xylanh làm bằng nhựa y tế, không có chất DEHP, vạch chia dung tích 1 đơn vị, mỗi vạch tương ứng 0.01ml. Kim tiêm đường kính 0.30mm, dài $\geq 10\text{mm}$ (30Gx1/2") được đúc liền với vỏ xylanh, làm bằng thép không gỉ, đầu kim vát 3 cạnh giúp tiêm sắc ngọt. Pittông có gioăng khít đảm bảo khí và dung dịch tiêm không lọt qua gioăng. Tiêu chuẩn ISO 13485	Chiếc	100 chiếc/ hộp	50000	
15	Bơm tiêm dùng một lần 5ml	Đầu côn hoặc đầu xoắn, sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. Dung tích chia độ tổng cộng 6ml, rõ nét. Pit tông có khía bề gây dễ hủy. Vỏ trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Cỡ kim 23G x 1" và 25G x 1", 25G x 5/8". Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; TCVN;	Cái	100 cái/ hộp	14000	
16	Bơm tiêm dùng một lần 10ml	Sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. Dung tích chia độ rõ nét. Pit tông có khía bề gây dễ hủy. Vỏ trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Cỡ kim 23G x 1" và 25G x 1", 25G x 5/8". Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; TCVN;	Cái	100 cái/ hộp	2000	
17	Phim X-Quang 20cmx25cm tương thích máy in laser Fujifilm	Phim khô laser cỡ 20x25 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, hộp 150 tờ, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Thành phần chính bao gồm: polyethylene terephthalate (PET): 85-95%, polyme: 1-10%, Bạc hữu cơ: 1-10%, gelatine: 1-10%, Phụ gia: 0,1-15%, bạc halogenua: 0,05-1%. Dmax: ≥ 3.3 , Dmin: ≤ 1.7 . Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Tờ	150 tờ/hộp	4500	
18	Mask thở khí dung các cỡ dùng một lần	- Được làm từ nhựa PVC y tế hoặc tương đương, mềm, trong, không gây kích ứng - Dây dẫn chính có chiều dài $\geq 1.5\text{ m}$, dây không bị vặn xoắn - Mặt nạ: Che phủ đầy đủ và cho phép hít đủ thuốc khí dung - Kẹp mũi có thể điều chỉnh - Lỗ dây chống gây mép mặt nạ khi kéo dây thun - Bầu đựng thuốc (Bầu khí dung) có dung tích từ 6ml - 20ml - Dây đeo đàn hồi - Có dây buộc để tránh bị tuột khỏi mặt nạ - Được tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	Cái	50	
19	Giấy điện tim 12 cần	Giấy điện tim 12 cần K210 - 3	Cuộn	Cuộn	50	
20	Giấy in cho máy siêu âm đen trắng	- Dùng cho các dòng máy in của hãng Sony - Dung lượng: 215 bản in cho mỗi cuộn. - Kích thước 110 mm x 20 m Tiêu chuẩn: ISO 9001.	Cuộn	Cuộn	30	
Tổng số: 20 khoản						

NHÂN DÂN